

Bản án số: 09 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/5/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền.

2. Ông Nguyễn Xuân Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du - Thư ký Viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 25/4/2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tái Thị H, sinh năm 1990.(Có mặt)

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn H1, sinh năm 1991.(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Tái Thị H trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh H1 được tìm hiểu tình cảm với nhau vào năm 2010 và đã được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 27/5/2011. Việc đăng ký kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố, mẹ đẻ anh H1 tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được hơn một năm, năm 2012 vợ chồng ra ở riêng tại thôn Bản Bàng, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hoà thuận hạnh phúc, sau khi ra ở riêng được một thời gian thì anh H1 đã chơi bời với bạn bè xấu, bỏ bê vợ con, không quan tâm chăm lo cho gia đình, lúc đầu là rượu chè, cờ bạc lâu dần lún sâu nghiện ngập ma tuý, bản thân kiếm được ra tiền nhưng tự trang trải hoang phí không cho được vợ con đồng nào, mặc dù gia đình vợ, con, bố, mẹ thường xuyên khuyên bảo nhưng không có thay đổi, chứng nào tật ấy, năm 2014 anh H1 dùng điện thoại gọi hỏi mua ma tuý với người khác được chị H khuyên bảo vài câu thì anh H1 quay ra cầm con dao kềm vào cổ dọa nạt, mặc dù trước đó chị H đã nhẫn nhịn nhiều năm và từ đó chị H không dám nói cho ai biết kể cả bố mẹ chồng và người thân. Đến tháng 12/2016 anh H1 bị bắt về hành vi liên quan đến ma tuý và bị lĩnh án 4 năm tù đến tháng 12/2020 thì anh H1 được mãn hạn tù về với gia đình vợ con và địa phương, nhưng được vài tháng sau do không làm chủ được bản thân nghe theo lời bạn bè lôi kéo lại tiếp tục sa ngã vào con đường nghiện ngập ngày càng lún sâu hơn, lừa lọc vợ con, lừa dối người thân vay tiền để tiêu sài cá nhân và thường xuyên đi thâu đêm đến sáng để trộm cắp, đã rất nhiều lần chị H bắt quả tang anh H1 sử dụng ma tuý và xi lanh vút xung quanh nhà nhưng anh H1 vẫn khăng khăng chối cãi và không thừa nhận mà còn dùng tay dìm vào gáy để dọa nạt chị H ngay cả khi chị H đang mang bầu đứa thứ hai được khoảng 8 tháng. Ngày 22/12/2022 anh H1 lại bị bắt về hành vi liên quan đến ma tuý và hiện nay anh H1 đang chấp hành án 6 năm tù tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 có hai con chung là Triệu Thị Mỹ L, sinh ngày 08/9/2011 và Triệu Hoài A, sinh ngày 15/10/2022. Hiện nay Triệu Thị Mỹ L đang học lớp 7 và ở với ông bà nội tại thôn Bản Bàng, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn sức khoẻ tốt ăn ở học tập phát triển bình thường, Triệu Hoài A còn nhỏ đang ở với chị H ăn ở khoẻ mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Triệu Văn H1 trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Anh H1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và được biết chị H khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung.

Về quan hệ hôn nhân: Anh H1 trình bày, vào năm 2010 anh H1 có quen chị H, sau ba tháng tìm hiểu anh H1 và chị H quyết định đi đến hôn nhân với nhau là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, đến Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2011. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H1 đến năm 2012 vợ chồng ra ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay anh H1 đang chấp hành án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Trước lần chấp hành án này anh H1 đã đi chấp hành án 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy sau khi mãn hạn tù được hai năm anh H1 tiếp tục phải đi chấp hành án, lần chấp hành án này chị H chưa vào thăm và cũng không gọi điện hỏi thăm anh H1 lần nào. Chị H làm đơn ly hôn anh H1, anh H1 không đồng ý vì anh H1 vẫn còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 có hai con chung là Triệu Thị Mỹ L, sinh ngày 08/9/2011 và Triệu Hoài A, sinh ngày 15/10/2022. Hiện nay hai con ở với chị H nguyện vọng của anh H1 nếu buộc phải ly hôn thì anh H1 nhường quyền nuôi hai con cho chị H và không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 13/12/2023 anh Triệu Văn H1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ngày 01/3/2024 Tòa án đã tiến hành xác minh với trưởng thôn B và xác minh với bà Triệu Thị D - mẹ đẻ anh H1 về tình trạng hôn nhân, về con chung.

Sau thụ lý vụ án do bị đơn anh Triệu Văn H1 đang chấp hành án tại trại tạm T, tỉnh Thanh Hóa. Nên ngày 18/01/2024 Toà án đã tiến hành lập biên bản về không tiến hành hoà giải được và lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Đồng thời, Tòa án tiến hành việc giao nhận các văn bản tố tụng cần thiết theo quy định và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa chị Tái Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về ly hôn, nuôi con chung, không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra chị H không có yêu cầu nào khác.

Anh Triệu Văn H1 quá trình tố tụng không có yêu cầu phản tố nào khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán – Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và đến trước khi nghị án. Đối với nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tái Thị H được ly hôn với anh Triệu Văn H1.

Về con chung: Giao hai con chung là Triệu Thị Mỹ L, sinh ngày 08/9/2011 và Triệu Hoài A, sinh ngày 15/10/2022 cho chị Tái Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Được xác định là vụ án ly hôn, nuôi con chung. Nơi cư trú bị đơn tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H1 không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án được là do anh H1 đang chấp hành án phạt tù tại trại tạm giam T, tỉnh Thanh Hóa. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ theo khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Triệu Văn H1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn thấy không nhất thiết gửi văn bản tố tụng cho gia đình hoặc người thân, không niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Điều 179/BLTTDS. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 có tìm hiểu tình cảm rồi quyết định đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương, có đăng ký kết hôn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố, mẹ đẻ anh H1 được hơn một năm, đến năm 2012 vợ chồng ra ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hoà thuận hạnh phúc, sau khi ra ở riêng được một thời gian thì anh H1 không quan tâm chăm lo cho gia đình, chơi bời với bạn bè, rượu chè, cờ bạc, nghiện ngập ma tuý, không cho được vợ con đồng nào, vợ, con, bố, mẹ khuyên bảo nhưng không thay đổi, năm 2014 anh H1 điện thoại gọi hỏi mua ma tuý với người khác, chị H khuyên bảo vài câu anh H1 đã cầm con dao dọa chị H, từ đó chị H không dám nói cho ai biết kể cả bố mẹ chồng và người thân mặc dù chị H đã nhẫn nhịn nhiều năm trước đó. Đến tháng 12/2016 anh H1 bị lĩnh án 4 năm tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý, đến tháng 12/2020 thì anh H1 được mãn hạn tù về với gia đình vợ con và địa phương, nhưng được vài tháng sau lại không làm chủ được bản thân nghe theo lời bạn bè lôi kéo tiếp tục sa ngã vào con đường nghiện ngập ma tuý, lừa lọc vợ con, lừa dối người thân vay tiền để tiêu sài cá nhân, đi thâm đêm đến sáng để trộm cắp, nhiều lần chị H bắt quả tang anh H1 sử dụng ma tuý, vút xi lanh xung quanh nhà nhưng anh H1 vẫn chối cãi không thừa nhận thậm chí trong thời gian chị H đang mang thai được khoảng 8 tháng dùng tay dí vào gáy dọa nạt chị H. Ngày 22/12/2022 anh H1 lại bị lĩnh án 6 năm tù về hành vi liên quan đến ma tuý và hiện nay đang chấp hành án tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H1 mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn giải quyết cho chị H được ly hôn anh H1. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình bố mẹ anh H1 về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1.

Xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 như trên là đã ảnh hưởng đến tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xem xét đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị H. Nội dung của Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được....”.

Nên chấp nhận yêu cầu của chị H xin được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 có con chung là Triệu Thị Mỹ L, sinh ngày 08/9/2011 và Triệu Hoài A, sinh ngày 15/10/2022. Hiện nay Triệu Thị Mỹ L đang học lớp 7 và ở với ông bà nội tại thôn Bản Bả, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn khoẻ mạnh ăn ở học tập phát triển bình thường, Triệu Hoài A còn nhỏ đang ở với chị H ăn ở khoẻ mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Đối với con chung Triệu Thị Mỹ L, sinh ngày 08/9/2011 trình bày nguyện vọng hiện nay đang học lớp 7 và ở với ông bà nội khoẻ mạnh học tập bình thường nếu bố, mẹ buộc phải ly hôn nhau thì có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Anh H1 đang chấp hành án phạt 06 (Sáu) năm tù tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa có ý kiến nếu Tòa án giải quyết buộc phải ly hôn chị H thì anh H1 nhường quyền nuôi hai con cho chị H và không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện nuôi con của chị H, anh H1, ý kiến của con chung Triệu Thị Mỹ L, sinh ngày 08/9/2011 nêu trên. Tuy nhiên, thấy cần thiết việc giao con chung Triệu Thị Mỹ L, sinh ngày 08/9/2011 và Triệu Hoài An sinh ngày 15/10/2022 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Tái Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tái Thị H xin ly hôn anh Triệu Văn H1.
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị Tái Thị H được ly hôn anh Triệu Văn H1 .
 - Về con chung: Giao hai con chung là Triệu Thị Mỹ L, sinh ngày 08/9/2011 và Triệu Hoài A, sinh ngày 15/10/2022 cho chị Tái Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng chị H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở. Sau khi ly hôn khi thật cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc đề nghị việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí, lệ phí Tòa án ; Điều 26 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Tái Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tái Thị H đã nộp theo biên lai số 0001477 ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã L, huyện C,
Tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cận